

Bột Xuyên, ngày 17 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục quốc dân;

Trường mầm non Bội Xuyên công khai hoạt động của nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

Mục 2.

CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 6. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

1.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

[illegible]

IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	19			1	15	1	2			
1	Nhân viên bảo vệ	3			1			2			
2	Nhân viên phục vụ	1				1					
3	Nhân viên nuôi dưỡng	15				14	1				

1.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số CBQL, giáo viên	58	24	34		
I	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó Hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	55	21	34		
1	Nhà trẻ	20	6	14		
2	Mẫu giáo	35	15	20		
Tỷ lệ %		100%	41.4%	58.6%		

1.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

TT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số CBQL, giáo viên	58	58	
I	Cán bộ quản lý	3	3	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó Hiệu trưởng	2	2	
II	Giáo viên	55	55	
1	Nhà trẻ	20	20	
2	Mẫu giáo	35	35	
Tỷ lệ %		100%	100%	

2. Thông tin về cơ sở vật chất.

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Diện tích toàn trường 3015m²
- Diện tích khu A: 1636m²
- Diện tích khu B: 994 m²
- Diện tích khu C: 385 m²
- Diện tích khu Bớt Xuyên: 150 m² (học nhờ nhà văn hóa thôn Bớt Xuyên)

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ	Yêu cầu tối thiểu theo quy định(Điều 5- 2a Chương II- Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
7 m ² / trẻ	12 m ²	Không đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối chiếu so sánh với yêu cầu tối thiểu quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	Không có	Đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Kkhông đạt
2	Phòng PHT 1	Không có	Đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Kkhông đạt
3	Phòng PHT 2	Không có	Đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Kkhông đạt
4	Văn phòng trường	Không có	Đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Kkhông đạt
5	Phòng cho nhân viên	Không có	Có giường, tủ để đồ cá nhân	Không đạt

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	Yêu cầu tối thiểu theo quy định	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
	19	19	Đạt

d. Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

TT	Tổng số đồ chơi ngoài trời	Số lượng tổng	Thực tế các lớp
1	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	4	- Máy vi tính: 5 - Máy chiếu: 1 - Máy in: 3 - Máy trợ giảng:3
2	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		- Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	19	- Mỗi lớp một ti vi
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	4	- 4 đàn organ
3	Máy photocopy	0	
5	Cassettes	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	0	
7	Thiết bị khác		
8	Đồ chơi ngoài trời	5	5 loại
9	Bàn ghế đúng quy cách	-Bàn:310 -Ghế: 500	- 1 trẻ/ghế - 2 trẻ/bàn
10	Thiết bị khác...		

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả đánh giá Nhà trường chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2023 -2024: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024 (Kế hoạch số 28/KH-MNBX ngày 27/2/2024). Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2019-2020 đến hết năm học 2023-2024.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2024: Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục năm 2024(Kế hoạch số 28/KH-MNBX ngày 27/2/2024). Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2019-2020 đến hết năm học 2023-2024.

Bột Xuyên, ngày 17 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Kim Thị Biền